

Bản án số: 2635/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 12 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Châu

2. Ông Huỳnh Trường Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thu Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở **Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3736/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trịnh Văn N**, sinh năm 1968

Thường trú: 30/1 (số mới 1772) **tổ C, khu phố E, thị trấn N, huyện N, Tp .**

Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: Osaka-fu, Asaka-shi, Hirano-ku, Kami Kurat sukuri 3-1-5-402, **J.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2022 và lời khai của nguyên đơn – ông **Trịnh Văn N** thì: Ông và bị đơn sống chung từ năm 2009 và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyền số 11/2015 do Tòa hành chính **quận H, thành phố O, tỉnh Osaka, Nhật Bản** cấp, đã được ghi chú vào sổ việc kết hôn tại **Tổng Lãnh sự quán nước C1 tại O, Nhật Bản** ngày 10/6/2015. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2013, ông về Việt Nam và không còn bất cứ liên lạc nào với bị đơn. Nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản, nơi bị đơn – bà **Trần Thị C** cư trú để tổng đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho bà **Trần Thị C** và yêu cầu bà **Trần Thị C** trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Văn N** nhưng bà **Trần Thị C** không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

+ Về việc nuôi con: Không có.

+ Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông **Trịnh Văn N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **Trần Thị C** đang cư trú tại Nhật Bản, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – ông **Trịnh Văn N** có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt; Tòa án đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai và thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn - bà **Trần Thị C**, nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 và Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trịnh Văn N** và bà **Trần Thị C**.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyền số 11/2015 do Tòa hành chính quận H, thành phố O, tỉnh Osaka, Nhật Bản cấp, đã được ghi chú vào sổ việc kết hôn tại Tổng Lãnh sự quán nước C1 tại O, Nhật Bản ngày 10/6/2015 thì giữa ông Trịnh Văn N và bà Trần Thị C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của ông Trịnh Văn N sau khi kết hôn thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N về Việt Nam từ năm 2013 và không còn liên lạc với bà Trần Thị C nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trịnh Văn N yêu cầu ly hôn bà Trần Thị C. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án để đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng không tồn tại, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn N.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trịnh Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông Trịnh Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn N.

Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn N được ly hôn bà Trần Thị C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trịnh Văn N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004026 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Trịnh Văn N** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – Ông **Trịnh Văn N** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; bị đơn – bà **Trần Thị C** được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Tổng Lãnh sự quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản;
- Lưu: HSVA, VT (HA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Anh**